TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **152**/2023/HS-ST
Ngày 21 - 9 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thu Vân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:**

+ *Tại điểm cầu trung tâm*: Ông Trịnh Sơn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Tại điểm cầu thành phần*: Ông Dương Quốc Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

+ Tại điểm cầu trung tâm: Ông Trần Đức Khuê - Kiểm sát viên.

+ Tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Khắc Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 169/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2023 theo hình thức trực tuyến, gồm 02 điểm cầu: điểm cầu trung tâm đặt tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; điểm cầu thành phần đặt tại Trại tạm giam

Chí Hòa (T30), Công an Thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023, đối với bị cáo:

1. Huỳnh Minh P (tên gọi khác: Cá Kèo); sinh năm: 1982; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: A8/21 Ấp B, xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị T1 (chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 10/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánhình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng. Chấp hành xong ngày 28/9/2022.

Nhân thân:

- Ngày 05/8/2014, Trưởng Công an xã P, huyện Bình Chánhình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích. Qua xác minh, hồ sơ xử phạt bị thất lạc nên không rõ kết quả xử lý.

- Ngày 08/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánhình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng. Chấp hành xong ngày 15/11/2019.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2023đến nay. (có mặt tại điểm cầu thành phần)

2. Trần Minh Q; sinh năm: 1983; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Không; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 19/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánhình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong quyết định ngày 11/02/2022.

Nhân thân:

- Ngày 16/8/1996, Trần Minh Q (khai tên Nguyễn Hạng Q) bị Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi "Trộm cắp tài sản của công dân". Ngày 28/8/1996, Công an quận Thủ Đức ra quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, trả tự do.- Ngày 05/5/1998, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản của công dân" (Trần Minh Q khai tên Nguyễn Hạng Q) theo bản án số: 76/HS-ST. Chấp hành xong bản án ngày 14/10/1999.

- Ngày 15/5/1999, Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", theo bản án số: 51/HSST. Chấp hành xong bản án ngày 24/3/2005.

- Ngày 10/5/2000, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", theo bản án số: 1324/HSST. Chấp hành xong bản án ngày 10/11/2001.

- Ngày 17/9/2004, Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", theo bản án số: 82/HSST. Chấp hành xong bản án ngày 23/7/2007.

- Ngày 31/5/2011, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánhình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", theo bản án số: 131/2011/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/9/2011.

- Ngày 08/6/2012, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánhình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo bản án số: 157/2012/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/8/2015.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2023đến nay. (có mặt tại điểm cầu thành phần)

3. Lê Thị Ngọc T2; sinh năm: 1986; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: A1-10 Chung cư T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H1 và bà Lý Thị T3; có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/01/2015, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng. Chấp hành xong quyết định ngày 19/8/2016.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2023đến nay. (có mặt tại điểm cầu thành phần)

- *Bị hại*: Ông Trần Trọng D, sinh năm: 1970; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Ấp P, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: 260/10 đường L, Phường A, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp F, xã G, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

2. Bà Phan Thị C, sinh năm 1966; nơi cư trú: 536A/20 Ấp A, xã A, huyện Bình Chánhình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh Q và Lê Thị Ngọc T2 chung sống như vợ chồng từ tháng 10/2022 tại phòng trọ thuộc tổ A Ấp A1, xã A2, huyện Bình Chánhình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và cả hai có mối quan hệ bạn bè với Huỳnh Minh P. Q, P và T2 đều là những đối tượng nghiện ma túy, giữa Q và P đã nhiều lần cùng nhau đi đến khu vực huyện Bình Chánh tìm kiếm tài sản sơ hở của người dân để chiếm đoạt nhưng chưa thực hiện được vụ nào.

Vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 18/3/2023, khi P đang ngồi tại khu vực bến xe Q thì thấy Q điều khiển xe mô tô biển số 63B7-092.12 chạy ngang qua. Thấy P, Q kêu lớn "Cá kèo" (P hiểu ý của Q là kêu P lên xe để Q chở đi tìm tài sản chiếm đoạt). Sau đó, Q

chở P lưu thông trên nhiều tuyến đường của khu vực huyện Bình Chánh, rồi rẽ vào khu dân cư B, Phường G, Quận 8. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày 18/3/2023, khi cả hai đi ngang qua trước số 25 Đường số C, khu dân cư B, Phường G, Quận 8, P nhìn thấy có 01 xe ô tô container đang đậu, bên trong thùng container có anh Trần Trọng D đang nằm ngủ trên võng, phía dưới võng có chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51 đang sạc pin (cách cửa thùng container khoảng 02m). Thấy vậy, P nói Q dừng xe nổ máy và làm nhiệm vụ cảnh giới, P xuống xe đi đến bãi đất trống gần đó tìm kiếm và nhặt một cây tre (dài khoảng 02 mét) phía đầu cây tre có cột 01 đoạn thép kim loại tạo thành móc câu (dài khoảng 10cm), P cầm cây tre đi đến cửa thùng container, dùng móc câu móc vào sợi dây điện của sạc pin kéo chiếc điện thoại ra phía ngoài rồi chiếm đoạt, sau đó leo lên xe của Q tẩu thoát. Lúc này, anh D giật mình thức dậy phát hiện truy đuổi theo P và Q nhưng không kịp. Chiếm đoạt được tài sản, P mang về phòng trọ của Q và Lê Thị Ngọc T2 tại Tổ A1, Ấp A2, xã A3, huyện Bình Chánh. Tại phòng trọ, P nói cho T2 biết nguồn gốc chiếc điện thoại do Q và P vừa trộm được tại địa bàn Quận 8 rồi P đưa cho T2 mang đi cầm cố thì được T2 đồng ý. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô biển số 63B7-092.12 chở T2 đến cửa hàng mua bán điện thoại số H đường D, xã T, huyện Bình Chánh cầm cho chủ tiệm là bà Phan Thị C với số tiền 1.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ bà C, T2 quay về phòng trọ đưa cho P, P chia cho Q 600.000 đồng, chia cho T2 150.000 đồng (tiền công T2 đưa điện thoại đi cầm cố), P giữ lại 600.000 đồng.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, trên đường Q điều khiển xe mô tô biển số 63B7-092.12 chở P lưu thông đến trước số 114C/5 Ấp C, đường N, xã A, huyện Bình Chánh thì cả hai nhìn thấy một người phụ nữ (không rõ lai lịch) điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở một người đàn ông ngoại quốc (không rõ lai lịch), trên tay người đàn ông cầm một chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu đen. Thấy vậy, Q điều khiển xe vượt lên bên trái, P dùng tay phải giật được chiếc điện thoại trên tay của người đàn ông rồi cả hai bỏ chạy (khoảng 100 mét) thì P làm rơi chiếc điện thoại xuống đường. Cả hai tiếp tục bỏ chạy đến khu vực gầm cầu C thuộc xã A, huyện Bình Chánh (cách vị trí chiếc điện thoại rơi khoảng 50m) thì bị ngã xe, P và Q bị người dân bắt giữ bàn giao cho Công an xã An

Phú Tây. Riêng người phụ nữ và người đàn ông ngoại quốc lấy lại chiếc điện thoại rồi điều khiển xe bỏ đi.

Vật chứng Công an huyện Bình Chánh tạm giữ gồm:

+ 01 một cây tre (dài khoảng 02 mét) phía đầu cây tre có cột một đoạn thép kim loại tạo thành móc câu (dài khoảng 10cm)

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51, 01 xe mô tô biển số 63B7-092.12.

+ 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu xanh.

+ 01 biên nhận cầm cố chiếc điện thoại Samsung Galaxy A51.

Ngày 19/3/2023, Công an huyện Bình Chánh chuyển hồ sơ vụ cướp giật tài sản xảy ra trên địa bàn Quận 8 và vụ tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có cùng vật chứng liên quan đến Công an Quận 8 thụ lý theo thẩm quyền. Riêng 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu xanh, quá trình điều tra Q khai nhận: Vào tháng 02/2023 (không nhớ ngày), Q cùng người đàn ông tên T5 (là bạn của Q, không rõ lai lịch) cướp giật của một người phụ nữ (không rõ lai lịch) trên đường N (không nhớ địa chỉ). Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại này, Q đưa về cho T2 sử dụng cho đến nay. Chiếc điện thoại di động này hiện Công an huyện Bình Chánh đang tạm giữ và thụ lý cùng với vụ cướp giật tài sản xảy ra tại xã A, huyện Bình Chánh.

Ngày 18/4/2023 và 28/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can đối với: Huỳnh Minh P, Trần Quang Q4, về tội "Trộm cắp tài sản"; khởi tố Lê Thị Ngọc T2 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Quá trình điều tra, xác định thời điểm bị bắt do từ nhỏ đến lớn Q4 không có giấy tờ tùy thân để khai thông tin giao nộp cho Công an xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh nên Q4 đã lấy tên em ruột của mình là Trần Quang Q4 để khai báo. Ngày 06/6/2023, Công an Quận 8 đề nghị Phòng PV06, Công an Thành phố Hồ Chí Minh trích lục các danh chỉ bản của Trần Minh Q để tiến hành trưng cầu giám định.

Ngày 20/6/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh có bản kết luận giám định số 6357/KL-KTHS, kết luận dấu vân tay trên tài liệu cần giám định so với dấu vân tay trên tài liệu mẫu so sánh là dấu vân tay của cùng một người. Trên cơ sở kết luận giám định, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Quang Q4 thành Trần Minh Q. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Trần Minh Q, Huỳnh Minh P, Lê Thị Ngọc T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Lời khai của P, Q, T2 phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Việc tạm giữ, xử lý vật chứng:

Ngày 20/3/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 ra Yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51 nêu trên. Ngày 28/3/2023, Hội đồng định giá tài sản phục vụ công tác tố tụng hình sự Quận 8 có bản kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐĐGTS kết luận 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51 trị giá 3.800.000 đồng. Ngày 20/4/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51 cho anh Trần Trọng D.

Xe mô tô biển số 63B7-092.12 do anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Ấp F, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang đứng tên chủ sở hữu. Ngày 04/10/2015, anh S đã chết do bị tai nạn giao thông, sau đó xe mô tô biển số 63B7-092.12 do chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1989 (vợ của anh S) sử dụng đến khoảng tháng 10/2022 thì bị mất trộm tại khu vực thị trấn T, huyện Bình Chánh. Q khai mua xe mô tô biển số 63B7-092.12 vào tháng 8/2022 của một người (không rõ lai lịch, địa chỉ) với giá 5.000.000 đồng. Ngày 15/6/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả xe mô tô cho chị Nguyễn Thị Kim N.

Cây tre dài khoảng 2m, phía đầu cây tre có cột 01 đoạn thép kim loại tạo thành móc câu (dài khoảng 10cm), là công cụ các bị cáo dùng để chiếm đoạt tài sản.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Phan Thị C đã nhận lại số tiền 1.500.000 đồng từ Lê Thị Ngọc T2, bà C không có yêu cầu khác.

Bị hại Trần Trọng D đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 171/CT-VKS ngày 21/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Huỳnh Minh P và Trần Minh Q về tội "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Lê Thị Ngọc T2 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Huỳnh Minh P và Trần Minh Q về tội "Trộm cắp tài sảnvà truy tố bị cáo Lê Thị Ngọc T2 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Huỳnh Minh P từ 01 năm 03 tháng đến 02 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Minh Q từ 01 năm 03 tháng đến 02 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc T2 từ 07 tháng đến 01 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, do tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại nên bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xét.

Xử lý vật chứng, đã trả lại xe máy biển số 55N1-2882 cho bà Nguyễn Thị Kim N nên không xem xét; đề nghị tịch thu tiêu hủy cây tre là công cụ phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 18/3/2023, tại trước số B Đường số C, khu dân cư B, Phường G, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Huỳnh Minh P và bị cáo Trần Minh Q có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A51, trị giá 3.800.000 đồng của anh Trần Trọng D.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản, các bị cáo P và Q giao tài sản là chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51 cho bị cáo Lê Thị Ngọc T2 mang đi cầm cố được số tiền 1.500.000 đồng. Qua điều tra xác định, bị cáo T2 không hứa hẹn trước nhưng biết rõ tài sản này là do các bị cáo P, Q trộm cắp mà có và đồng ý giúp các bị cáo P, Q tiêu thụ tài sản, đồng thời được trả công số tiền 150.000 đồng.

[3] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội "Trộm cắp tài sản" như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" như sau:

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Huỳnh Minh P và Trần Minh Q đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi của bị cáo Lê Thị Ngọc T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Bị cáo Q có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án hình sự (đã được xoá án tích) và bị xử lý hành chính; bị cáo P và bị cáo T2 từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính do nghiện ma tuý. Do đó, Hội đồng xét xử cũng xem xét để quyết định hình phạt phù hợp với nhân thân của các bị cáo.

[7] Hành vi của các bị cáo P, Q thực hiện có tính chất đồng phạm nhưng mang tính nhất thời, giản đơn. Bị cáo P là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản, bị cáo Q là người rủ rê, đề xuất và chở bị cáo P tẩu thoát. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định hình phạt phù hợp với vai trò từng bị cáo.

[8] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Trong vụ trộm cắp tài sản, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo Q, P.

[10] Các bị cáo Huỳnh Minh P và Lê Thị Ngọc T2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo P và bị cáo T2.

[11] Bị cáo T2 đã tự nguyện hoàn trả số tiền cầm cố điện thoại, khắc phục thiệt hại cho bà C nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo T2.

[12] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên toà đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[13] Về trách nhiệm dân sự, do tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại nên bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại. Số tiền cầm cố 1.500.000 đồng bà Phan Thị C đã nhận lại từ Lê Thị Ngọc T2, bà C không có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về xử lý vật chứng: 01 cây tre dài khoảng 2m, xét là công cụ phạm tội của các bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[15] Đối với bà Phan Thị C, khi mua điện thoại di động do các bị cáo chiếm đoạt, bà C không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[16] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh P(một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sảnThời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/5/2023

- Căn cứ vào _truy_tố khoản 1 Điều 173các điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Minh Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sảnThời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/5/2023

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc T2(bảy) tháng tù, về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà cóThời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/7/2023

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Cây tre dài khoảng 2m, phía đầu cây tre có cột 01 đoạn thép kim loại tạo thành móc câu (dài khoảng 10cm), buộc bằng dây ni lông màu xanh.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 02/8/2023)

Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Huỳnh Minh P và Trần Minh Q và Lê Thị Ngọc T2 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQ ĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Trại tạm giam Chí Hòa (T30);
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phúc